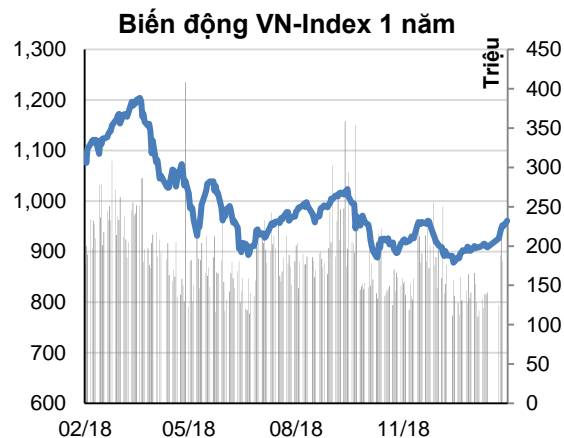


## Biến động thị trường

|                     | 18/02 | 1T (%)    | 3T (%) |
|---------------------|-------|-----------|--------|
| VN Index            | 961   | 6.5%      | 7.0%   |
| GTGD                | 4,105 | (Tỷ đồng) |        |
| Khối ngoại mua ròng | -12   | (Tỷ đồng) |        |

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Nguồn: Bloomberg

## Trái phiếu và Hàng hóa

|                      | 18/02  | 1T     | 3T     |
|----------------------|--------|--------|--------|
| Lãi suất TPCP 1 năm  | 2.787% | 3.415% | 4.325% |
| Lãi suất TPCP 3 năm  | 3.247% | 3.735% | 4.533% |
| Lãi suất TPCP 10 năm | 4.700% | 4.908% | 5.188% |
| Dầu WTI (\$/thùng)   | 55.89  | 53.8   | 56.46  |
| Vàng (\$/oz)         | 1,325  | 1,282  | 1,222  |

Nguồn: Bloomberg



### Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585  
(Ext: 1468)  
phat.pt@kisvn.vn  
www.kisvn.vn



### Trần Trương Mạnh Hiếu

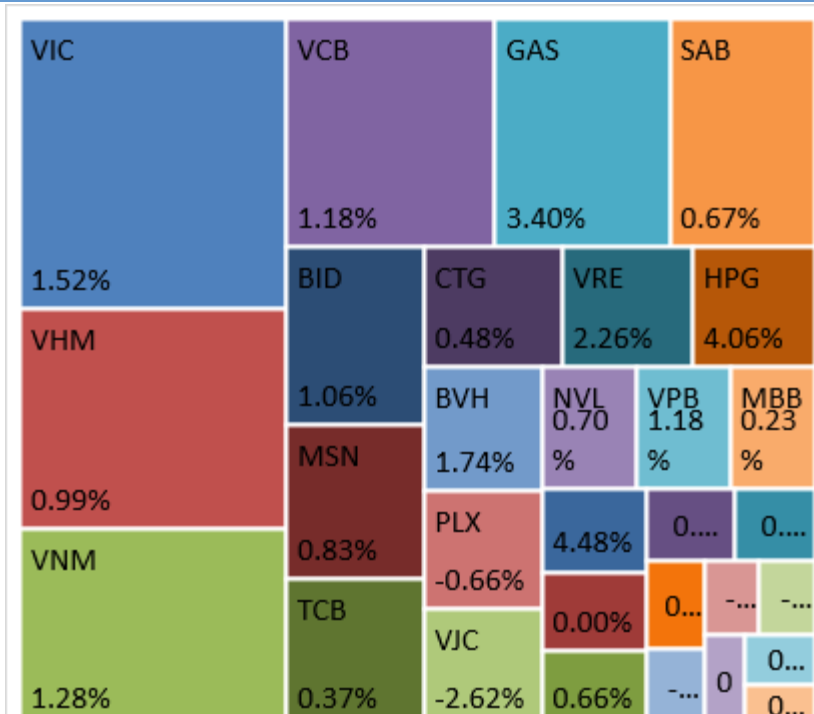
(+84 28) 3914 8585  
(Ext: 1464)  
hieu.ttm@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Dầu khí bút phá

- Thị trường chứng khoán duy trì đà tăng nhờ lực cầu trên nhóm cổ phiếu dầu khí trong phiên chiều. VN-Index tăng mạnh 1.09% đóng cửa ở mức cao nhất ngày, quanh vùng 961 điểm. Thanh khoản được cải thiện với 169 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,471 tỷ đồng giá trị.
- Bên mua chiếm ưu thế khi số lượng cổ phiếu tăng vượt trội, 175 mã tăng và 130 mã giảm trên HSX. VN30-Index, VNMid-Index và VNSmall-Index phục hồi lần lượt 0.80%, 1.19% và 0.26%.
- Dầu khí dẫn dắt xu hướng chung với tâm điểm là các mã GAS (+3.4%), PVD (+4.7%) và PVS (+3.1%). Bên cạnh đó, bất động sản và ngân hàng cũng có diễn biến tích cực với VCB, BID, VPB, VIC, VHM, VRE và NVL tăng mạnh trên 1%.
- Thêm vào, dòng tiền chảy vào một số cổ phiếu trong rổ VN30 như DHG, GMD, HPG, PLX, REE và VNM.
- Sau 6 phiên mua ròng, khối ngoại đảo chiều bán ròng với giá trị 12 tỷ đồng trên HSX. Khối này bán mạnh các mã MSN, VJC và CII với giá trị 58 tỷ đồng, 45 tỷ đồng và 37 tỷ đồng. Ở chiều mua, HPG, E1VFN30 và PLX được mua vào nhiều nhất.

**Nhận định thị trường:** Xu hướng tăng chiếm ưu thế trong ngắn hạn khi VN-Index đi lên vượt đường MA200 và kiểm định lại đỉnh tháng 12/2018. Rủi ro điều chỉnh ở mức thấp và dòng tiền đi vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục và tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt.

## Bản đồ giao dịch



# Phân tích kỹ thuật

## VN-Index

Hỗ trợ 1: 915-920

Kháng cự 1: 960-970

Hỗ trợ 2: 850-860

Kháng cự 2: 980-990

## Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index tiếp tục bứt phá sau phiên tích lũy liên trước. Khối lượng duy trì trên trung bình 10 phiên gần nhất đạt 169 triệu đơn vị phản ánh dòng tiền tham gia khá tích cực.

Ở góc độ ngắn hạn (dưới 20 ngày), các tín hiệu kỹ thuật đang khá tích cực từ cây nến tăng điểm và khối lượng duy trì ở mức cao trong phiên hôm nay. Trong khi đó, các chỉ báo kỹ thuật gồm RSI và MACD duy trì tín hiệu tăng với RSI tiếp tục tăng trên ngưỡng 70 và MACD đang mở rộng khoảng cách khỏi đường Signal. Chúng tôi cho rằng khả năng chỉ số cần hình thành nhịp điều chỉnh kỹ thuật quanh vùng đỉnh cũ đầu tháng 12/2018. Chỉ số có thể sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ 945-950 điểm tương ứng MA (5) trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

Ở góc độ trung hạn (1-3 tháng), VN-Index vẫn đang đi ngang với sóng C của mẫu hình sóng hiệu chỉnh dạng Flat (đánh dấu A-B-C).

### Hành động

VN-Index tiếp tục nối dài đà tăng. Tuy nhiên, chỉ số đang trong vùng đỉnh cũ tháng 12 nên khả năng sẽ hình thành các rung lắc điều chỉnh kỹ thuật. Nhà đầu tư có thể chờ đợi nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

# Thống kê thị trường

## SÀN GIAO DỊCH HSX

|                             |            |                    |                        |                           |     |
|-----------------------------|------------|--------------------|------------------------|---------------------------|-----|
|                             |            | <b>Tăng / Giảm</b> | <b>Tăng / Giảm (%)</b> | <b>Thống kê tăng/giảm</b> |     |
| <b>VN-Index</b>             | <b>961</b> | 10.41              | 1.1%                   | SL CP tăng giá            | 175 |
| <b>KLGD ('000 cổ phiếu)</b> | 194,653    | 33,964             | 21.1%                  | SL CP giảm giá            | 130 |
| <b>GTGD (tỷ VND)</b>        | 4,105      | 267                | 7.0%                   | SL CP không đổi           | 72  |

### Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá     | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|---------|------------|----------------|
|       | VND     | VND        | Điểm           |
| GAS   | 97,200  | 3,200      | 1.87           |
| VIC   | 113,700 | 1,700      | 1.65           |
| VNM   | 142,000 | 1,800      | 0.96           |
| PLX   | 59,000  | 2,300      | 0.91           |
| VHM   | 82,000  | 800        | 0.82           |

### Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá     | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|---------|------------|----------------|
|       | VND     | VND        | Điểm           |
| BVH   | 93,000  | -2,500     | -0.534         |
| VJC   | 120,500 | -800       | -0.132         |
| EIB   | 17,500  | -300       | -0.113         |
| SBT   | 20,900  | -250       | -0.042         |
| DPM   | 22,700  | -300       | -0.036         |

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá     | KLGD     | GTGD    |
|-------|---------|----------|---------|
|       | VND     | triệu cp | tỷ đồng |
| HPG   | 32,150  | 6.37     | 205.1   |
| VNM   | 142,000 | 1.08     | 153.0   |
| MBB   | 22,100  | 6.67     | 147.4   |
| POW   | 17,500  | 8.49     | 145.7   |
| CTG   | 20,900  | 6.83     | 143.0   |

### Top 5 Ngành Tăng

| Ngành            | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|------------------|------------|----------------|
|                  | %          | Điểm           |
| Khác             | 3.8%       | 0.57           |
| Năng lượng       | 3.8%       | 1.01           |
| Dịch vụ tiện ích | 2.7%       | 1.90           |
| Y Tế             | 1.9%       | 0.17           |
| Bất động sản     | 1.3%       | 3.26           |

### Top 5 Ngành Giảm

| Ngành | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|------------|----------------|
|       | %          | Điểm           |

## SÀN GIAO DỊCH HNX

|                             |            |                    |                        |                           |     |
|-----------------------------|------------|--------------------|------------------------|---------------------------|-----|
|                             |            | <b>Tăng / Giảm</b> | <b>Tăng / Giảm (%)</b> | <b>Thống kê tăng/giảm</b> |     |
| <b>HNX-Index</b>            | <b>107</b> | 0.72               | 0.7%                   | SL CP tăng giá            | 118 |
| <b>KLGD ('000 cổ phiếu)</b> | 37,537     | 5,241              | 16.2%                  | SL CP giảm giá            | 65  |
| <b>GTGD (tỷ VND)</b>        | 490        | 78                 | 18.9%                  | SL CP không đổi           | 184 |

### Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá    | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
|       | VND    | VND        | Điểm           |
| ACB   | 30,400 | 200        | 0.25           |
| PVS   | 20,000 | 600        | 0.15           |
| VCG   | 26,900 | 1,800      | 0.12           |
| SHS   | 11,500 | 400        | 0.05           |
| VGC   | 20,500 | 200        | 0.04           |

### Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá    | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
|       | VND    | VND        | Điểm           |
| VCS   | 63,700 | -800       | -0.03          |
| HUT   | 3,500  | -100       | -0.02          |
| SDA   | 5,100  | -500       | -0.01          |
| VGP   | 19,400 | -1,900     | -0.01          |
| LIG   | 4,500  | -300       | -0.01          |

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá    | KLGD     | GTGD    |
|-------|--------|----------|---------|
|       | VND    | triệu cp | tỷ đồng |
| PVS   | 20,000 | 6.17     | 122.8   |
| VCG   | 26,900 | 3.38     | 87.9    |
| ACB   | 30,400 | 1.91     | 58.0    |
| SHB   | 7,700  | 5.59     | 43.1    |
| VGC   | 20,500 | 1.71     | 35.0    |

### Top 5 Ngành Tăng

| Ngành            | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|------------------|------------|----------------|
|                  | %          | Điểm           |
| Năng lượng       | 2.5%       | 0.19           |
| Dịch vụ tiện ích | 2.2%       | 0.01           |
| Công nghiệp      | 1.8%       | 0.14           |
| Tài chính        | 0.7%       | 0.34           |
| Bất động sản     | 0.3%       | 0.01           |

### Top 5 Ngành Giảm

| Ngành              | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------------|------------|----------------|
|                    | %          | Điểm           |
| Y Tế               | -0.5%      | 0.00           |
| TD không thiết yếu | -0.3%      | 0.2%           |
| Nguyên vật liệu    | -0.3%      | -1.0%          |
| Khác               | -0.2%      | -0.1%          |
| CNTT               | 0.0%       | 2.9%           |

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP   | Giá CP  | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|---------|---------|---------|---------|----------|
|         | VND     | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| HPG     | 32,150  | 84.6    | 17.8    | 66.8     |
| E1VFN30 | 14,940  | 58.3    | 0.0     | 58.3     |
| PLX     | 59,000  | 33.5    | 0.1     | 33.4     |
| GAS     | 97,200  | 20.2    | 2.6     | 17.6     |
| VNM     | 142,000 | 132.1   | 114.7   | 17.3     |

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP  | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|---------|---------|---------|----------|
|       | VND     | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| MSN   | 85,400  | 33.6    | 92.5    | -58.9    |
| VJC   | 120,500 | 2.4     | 47.7    | -45.4    |
| CII   | 23,100  | 0.8     | 37.9    | -37.1    |
| DHG   | 97,000  | 0.9     | 31.6    | -30.7    |
| CTG   | 20,900  | 0.6     | 30.7    | -30.1    |

## HNX

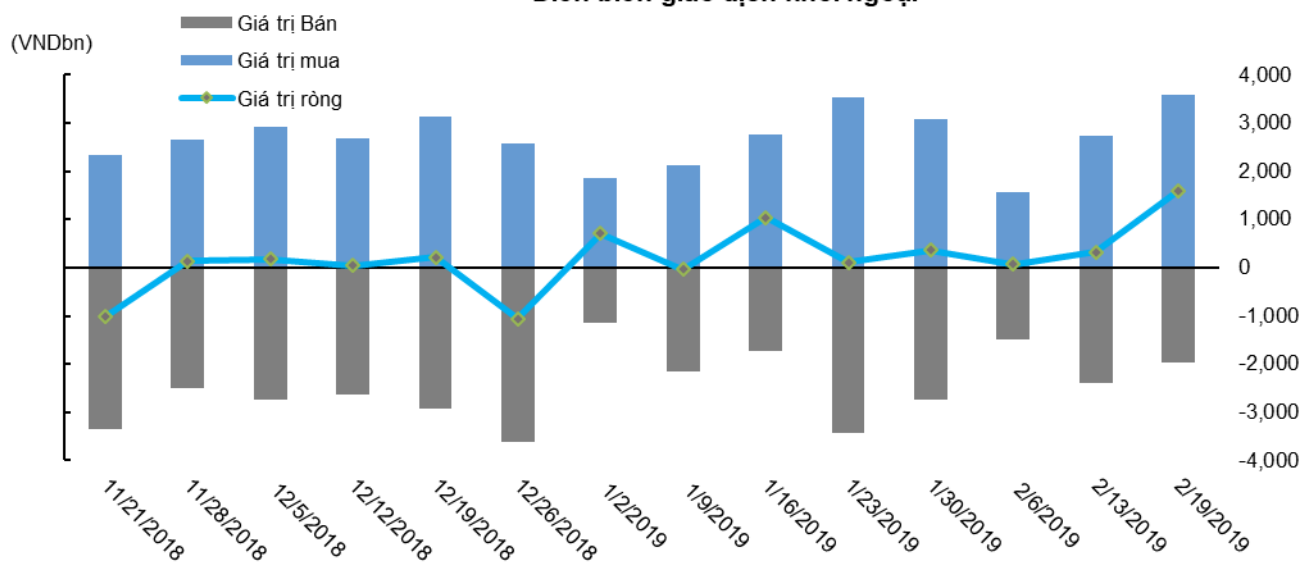
### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
|       | VND    | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| PVS   | 20,000 | 31.2    | 0.5     | 30.7     |
| HHP   | 15,700 | 0.2     | 0.0     | 0.2      |
| ART   | 2,400  | 0.1     | 0.0     | 0.1      |
| VNT   | 33,400 | 0.1     | 0.0     | 0.1      |
| VCS   | 63,700 | 0.1     | 0.0     | 0.1      |

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
|       | VND    | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| VGC   | 20,500 | 0.1     | 7.0     | -6.9     |
| SHS   | 11,500 | 0.0     | 3.4     | -3.4     |
| NTP   | 39,000 | 0.0     | 2.1     | -2.1     |
| THB   | 8,900  | 0.0     | 2.0     | -2.0     |
| VCG   | 26,900 | 0.0     | 2.0     | -2.0     |

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



## Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện  |
|------------|-----|-------|---|
| 19/02/2019 | GDT | HSX   | ĐHCD thường niên năm tài chính 2018                                       |
| 19/02/2019 | CMX | HSX   | ĐHCD thường niên năm 2019   |
| 19/02/2019 | VCP | Upcom | Đại hội cổ đông thường niên năm 2019                                      |
| 19/02/2019 | VTM | Upcom | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 19/02/2019 | VTM | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 19/02/2019 | IDC | Upcom | Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019                              |
| 19/02/2019 | NDN | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 19/02/2019 | VPH | HSX   | ĐHĐCD thường niên năm 2019  |
| 19/02/2019 | HKP | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 20/02/2019 | HCM | HSX   | Bán ưu đãi (tỷ lệ 3:2), thưởng cp (tỷ lệ 3:2)                             |
| 20/02/2019 | CEO | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 20/02/2019 | DNP | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản   |
| 20/02/2019 | MSH | HSX   | ĐHĐCD thường niên năm 2019  |
| 20/02/2019 | TMC | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 20/02/2019 | BAX | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 21/02/2019 | SSI | HSX   | Mua 15 cp lô lẻ làm cp quỹ  |
| 21/02/2019 | AAM | HSX   | ĐHĐCD thường niên năm tài chính 2018, tạm ứng cổ tức đợt 2/2018 (300đ/cp) |
| 21/02/2019 | PDB | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 21/02/2019 | PSC | HNX   | Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ V (2019-2023)                               |
| 21/02/2019 | PMS | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 21/02/2019 | AGP | Upcom | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 21/02/2019 | APG | HSX   | ĐHĐCD thường niên năm 2019  |
| 21/02/2019 | STB | HSX   | ĐHCD thường niên năm tài chính 2018                                       |
| 21/02/2019 | SFI | HSX   | Tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2019  |
| 21/02/2019 | VQC | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 21/02/2019 | BLI | Upcom | Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                     |
| 22/02/2019 | VNX | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 22/02/2019 | VIN | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019                                     |
| 22/02/2019 | VE1 | HNX   | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                         |
| 22/02/2019 | ND2 | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 22/02/2019 | DSN | HSX   | Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2018 (2,900đ/cp)                              |
| 22/02/2019 | PDR | HSX   | ĐHĐCD thường niên năm 2019  |
| 22/02/2019 | SAP | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 22/02/2019 | PTG | Upcom | Đại hội cổ đông thường niên năm 2019                                      |

---

|            |     |       |   |
|------------|-----|-------|---|
| 22/02/2019 | SMN | HNX   | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 |
| 22/02/2019 | VCT | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 |

---

## Liên hệ

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Phòng khách hàng định chế

#### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.